TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2021/HS-ST
Ngày 10-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bùi Thị Thúy Bắc

Ông Nguyễn Văn Hơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm My.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Phước - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 62/2021/TLST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2021/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thanh A (không có tên gọi khác), sinh ngày 12/10/2002 tại tỉnh L. Nơi cư trú: ấp MN, xã N, huyện M, tỉnh B; nghề nghiệp làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn) 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh V và bà Huỳnh Ngọc Đ; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 159 ngày 02/11/2021 của TAND huyện Chợ Lách. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Anh Huỳnh Thành T (tên gọi khác: N), sinh ngày 25/10/2004, nơi cư trú: ấp K, xã V, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Bà Phùng Thị Ngọc H, sinh năm: 1980, nơi cư trú: ấp K, xã V, huyện C, tỉnh B (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

Anh Trần Văn N, sinh ngày: 27/02/2004, nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện M, tỉnh B (có mặt).

Người đại điện hợp pháp của anh Trần Văn N: Bà Phan Thị T, sinh năm: 1982, nơi cư trú: M, xã N, huyện M, tỉnh B (vắng mặt).

Anh Đặng Huỳnh M, sinh năm: 1994, nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện M1, tỉnh B (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Anh Nguyễn T1, sinh năm: 2000, nơi cư trúi: ấp V, xã Đ, huyện M, tỉnh B (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Anh Lê Vũ L, sinh năm: 2000, nơi cư trú: ấp B, xã A, huyện M, tỉnh B (có mặt).

Ông Trương Hồng S, sinh năm: 1979; nơi cư trú: Tổ 9B, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh D (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Ông Chế Đình H, sinh năm: 1975; nơi cư trú: 423/7 (số cũ 35/3), khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh D (vắng mặt và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác*:

Người làm chứng:

Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1981, nơi cư trú: ấp T, xã 1, huyện M1, tỉnh B.

Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1954, nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện M, tỉnh B.

Ông Nguyễn Thanh P, sinh năm: 1984, nơi cư trú: ấp M, xã L, huyện C, tỉnh T.

Ông Nguyễn Công K, sinh năm: 1990, nơi cư trú: ấp M, xã N, huyện M, tỉnh B.

Ông Võ Thành T, sinh năm: 1980, nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh B.

Bà Phùng Thị Ngọc H, sinh năm: 1980, nơi cư trú: ấp H, xã V, huyện C, tỉnh B.

Tất cả người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Với mục đích chiếm đoạt tài sản, vào khoảng 10 giờ ngày 06 tháng 5 năm

2021, bị cáo Nguyễn Thanh A điều khiển xe máy loại Winner màu sơn đỏ - đen - trắng, biển kiểm soát 71B4-607.XX do anh Lê Vũ L đứng tên giấy đăng ký xe chở theo anh Trần Văn N đến nhà của anh Huỳnh Thành T tại ấp H, xã V, huyện C, tỉnh B. Khi đến nhà T thì không có ai ở nhà nên bị cáo đi đến cửa trước nhà T dùng tay đưa qua lỗ trống gở ổ khóa bên trong, mở cửa nhà và dẫn xe nhãn hiệu Yamaha không có áo xe (mà trước đó bị cáo đã bán cho T) điều khiển về nhà bị cáo. Sau đó, bị cáo điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn T1 để gửi. Khoảng 15 giờ cùng ngày, anh T phát hiện mất xe nên điện thoại cho mẹ ruột ở cùng nhà là bà Phùng Thị Ngọc H về, qua kiểm tra thì phát hiện ngoài mất chiếc xe mô tô kể trên còn mất số tiền 10.000.000 đồng. Kiểm tra camera an ninh thấy người lấy xe là bị cáo Nguyễn Thanh A nên T điện thoại qua ứng dụng Facebook hỏi thì bị cáo thừa nhận có lấy xe, không thừa nhận có lấy tiền và bị cáo hứa trả lại xe nhưng đến ngày 07/5/2021 bị cáo vẫn không trả nên bà H đến Công an xã V tố giác vụ việc. Ngày 08/5/2021, qua ứng dụng Facebook, anh T1 thấy T đăng tin mất xe đặc điểm giống xe bị cáo A gửi nên thông báo cho T biết và giao nộp xe cho Cơ quan điều tra. Đến ngày 17/5/2021 bị cáo tự đến gặp bà H và anh T thỏa thuận bồi thường số tiền 13.000.000 đồng bằng với giá khi bị cáo bán xe lấy trộm cho T. Quá trình điều tra bị cáo A khai nhận việc lấy trộm xe máy Yamaha như trên, không thừa nhận việc lấy trộm 10.000.000 đồng như trình báo của bà H.

Tại Kết luận giám định số 238/2021/SK-SM ngày 31/5/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận xe Yamaha, không rõ số loại, không có biển số, không có ốp nhựa bên ngoài có số máy đã bị đục không nhìn thấy số, số khung nguyên thủy là RLCE55P10CY158023. Kết quả xác minh và ủy thác điều tra xác định xe trên thuộc quyền sở hữu của ông Trương Hồng S, ông S nhờ ông Chế Đình H đứng tên giấy đăng ký xe, xe ông S bị mất trộm khoảng tháng 8/2018.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 26/KL-HĐĐG ngày 25/5/2021 của Hội đồng định giá tài sản huyện Chợ Lách xác định xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, không rõ số loại, số khung RLCE55P10CY158023, số máy đã bị đục không nhìn thấy số, không có biển số, không có ốp nhựa bên ngoài có giá trị là 8.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số: 63/CT-VKSCL ngày 01/11/2021, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre để xét xử bị cáo Nguyễn Thanh A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo A giữ nguyên lời khai thừa nhận tội như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản Cáo trạng phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo theo nội dung bản Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố:

Bị cáo Nguyễn Thanh A phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173, điểm b, i, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 (mười tám) tháng đến 24 (hai mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử:

- Ghi nhận trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Lách đã: Trả lại cho anh Lê Vũ L: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WINNER màu sơn đỏ-đen-trắng, biển kiểm soát: 71B4-607.XX, số máy: KC26E1186991, số khung: RLHKC2608GY342665, đã qua sử dụng. Trao trả cho bà Phùng Thị Ngọc H: 01 (một) ổ khóa bấm màu vàng, trạng thái mở, gọng khóa cao 4,5cm, kích thước thân khóa 04cm x 05cm; 01 (một) túi nylon màu đỏ kích thước 24cm x 34cm;

- Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Lách tiếp tục tạm giữ để bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố D, tỉnh D: 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu YAMAHA, không rõ số loại, số khung: RLCE55P10CY158023, số máy đã bị tẩy xóa, không tìm được ký tự nguyên thủy, không có biển số, không có áo xe do là vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố D, tỉnh D.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 13.000.000 đồng, bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội không tranh luận gì thêm.

Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm luận tội không tranh luận gì thêm.

Bị cáo không nói lời nói sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; do đó, có cơ sở khẳng định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều khoản áp dụng:

Tại phiên tòa, bị cáo A thừa nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở xác định: Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để sử dụng, nên khoảng 10 giờ ngày 06/5/2021 bị cáo Nguyễn Thanh A đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của anh Huỳnh Thành T 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, không rõ số loại, số khung: RLCE55P10CY158023, số máy đã bị tẩy xóa, không tìm được ký tự nguyên thủy, không có biển số, không có áo xe trị giá 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). Bị cáo là người đã thành niên có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện là lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp tài sản của bị hại mà còn ảnh hưởng đến an ninh, trật tự tại địa phương. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Anh Trần Văn N đi cùng với bị cáo đến hiện trường lấy trộm tài sản tuy nhiên bị cáo không trao đổi gì về việc trộm tài sản với anh N, khi bị cáo dắt xe từ nhà bị hại ra anh N có hỏi bị cáo là "có hỏi nó chưa?", bị cáo trả lời với anh N "có nói rồi". Ngoài ra hồ sơ không có tài liệu, chứng cứ nào cho thấy anh N cố ý cùng thực hiện tội phạm với bị cáo nên không có cơ sở truy cứu trách nhiệm hình sự anh N với vai trò là đồng phạm.

Bị cáo sử dụng xe biển kiểm soát 71B4 - 607.67 của anh Lê Vũ L làm phương tiện đến nhà bị hại để lấy trộm tài sản nhưng anh L không biết việc bị cáo dùng xe để đi lấy trộm tài sản nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh L.

Anh Nguyễn T1 cho bị cáo gửi xe tại nhà mình nhưng anh hoàn toàn không biết xe là do bị cáo lấy trộm mà có, đồng thời khi phát hiện xe giống với tài sản bị trộm đã chủ động liên lạc thông báo cho bị hại và tự nguyện giao nộp khi Cơ quan điều tra đến liên hệ làm việc vì vậy không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với anh T1.

Ngoài ra, bà Phùng Thị Ngọc H còn khai bị mất trộm 10.000.000 đồng, qua điều tra không có cơ sở xác định bị cáo A đã lấy trộm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo A về hành vi lấy trộm 10.000.000 đồng.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, tự nguyện bồi thường thiệt hại, hành vi của bị cáo là hành vi phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn nên cần thiết áp dụng điểm b, i, h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Về áp dụng hình phạt:

Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo như phân tích trên đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 2, 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao xét thấy bị cáo có đầy đủ điều kiện để được hưởng án treo nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã nơi bị cáo cư trú kết hợp cùng với gia đình giám sát, giáo dục và ấn định một thời gian thử thách nhất định cũng đủ sức răn đe, giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Lách đã: Trả lại cho anh Lê Vũ L: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WINNER màu sơn đỏ-đen-trắng, biển số: 71B4-607.XX, số máy: KC26E1186991, số khung: RLHKC2608GY342665, đã qua sử dụng. Trao trả cho bà Phùng Thị Ngọc H: 01 (một) ổ khóa bấm màu vàng, trạng thái mở, gọng khóa cao 4,5cm, kích thước thân khóa 04cm x 05cm; 01 (một) túi nylon màu đỏ kích thước 24cm x 34cm là phù hợp với quy định tại Điều 47, 48 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình nên ghi nhận.

Đối với 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, không rõ số loại, số khung: RLCE55P10CY158023, số máy đã bị tẩy xóa, không tìm được ký tự nguyên thủy, không có biển số, không có áo xe qua điều tra xác định là vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố D, tỉnh D nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách đề nghị giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Lách tiếp tục tạm giữ để bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố D, tỉnh D là phù hợp, bị cáo cũng không có ý kiến gì nên ghi nhận.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 13.000.000 đồng, bị hại, những người tham gia tố tụng trong vụ án không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, h, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thanh A phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*", xử phạt bị cáo 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh A cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (Hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ vào Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên:

- Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Lách đã thu giữ và trao trả lại cho anh Lê Vũ L: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại WINNER màu sơn đỏ-đen-trắng, biển số: 71B4-607.XX, số máy: KC26E1186991, số khung: RLHKC2608GY342665, đã qua sử dụng; trao trả lại cho bà Phùng Thị Ngọc H: 01 (một) ổ khóa bấm màu vàng, trạng thái mở, gọng khóa cao 4,5cm, kích thước thân khóa 04cm x 05cm; 01 (một) túi nylon màu đỏ kích thước 24cm x 34cm.

- Đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Chợ Lách tiếp tục tạm giữ để bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố D, tỉnh D: 01 (một) xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Yamaha, không rõ số loại, số khung: RLCE55P10CY158023, số máy đã bị tẩy xóa, không tìm được ký tự nguyên thủy, không có biển số, không có áo xe do là vật chứng trong vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố D, tỉnh D.

4. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường xong cho bị hại số tiền 13.000.000 đồng, bị hại, những người tham gia tố tụng trong vụ án không yêu cầu bồi thường gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: căn cứ vào các Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Nguyễn Thanh A phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: căn cứ vào các điều 331, 333, 336, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Bị cáo A, anh Trần Văn N, anh Lê Vũ L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự gồm: anh Huỳnh Thành T, bà Phùng Thị Ngọc H, bà Phan Thị T, anh Đặng Huỳnh M, anh Nguyễn T1, ông Trương Hồng S, ông Chế Đình H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre được quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- Bị cáo (01);
- Bị hại (01);
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (06);
- VKSND huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (01);
- VKSND tỉnh Bến Tre (01);
- Công an huyện Chợ Lách (01);
- Nhà tạm giữ - CA huyện Chợ Lách (01);
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách (01);
- Phòng KTNV-THA- TAND tỉnh Bến Tre (01);
- Lưu: Hồ sơ; THAHS (07), VP, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Nhanh